

Bản án số: 609/2017/HS-PT
Ngày 21-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 440/2017/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980 tại An Giang; nơi đăng ký cư trú: 86/2/28A LVN, khóm BL 3, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim V; có vợ là Võ Thị Kim X, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 01 con chung là Nguyễn Võ Hoàng Ng, sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 31/10/2016 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Tiến V1, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Tiên Vinh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hữu Ú, sinh năm 1968; nơi đăng ký cư trú: 39/12, khóm ĐT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Bà Hoàng Nguyễn Hải Y, sinh năm 1985; nơi đăng ký cư trú: 85/4 TNH, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2/ Bà NLQ2, sinh năm 1989; cùng nơi đăng ký cư trú: 57/11, khóm DT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1978; nơi đăng ký cư trú: 676/43 Trần Hưng Đạo, khóm BK 1, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/3/2016, Nguyễn Hoàng T đến thuê xe ô tô tự lái của ông Nguyễn Hữu Ú để chở khách đi Thành phố Hồ Chí Minh; nhưng do hết xe, nên ông Ú đã thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 67A-013.29 của ông NLQ1, với giá 500.000 đồng/ngày để cho T thuê lại với giá 600.000 đồng/ngày, thời gian thuê 02 ngày, hai bên không lập hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê xe chở khách đi Thành phố Hồ Chí Minh về, T điều khiển xe ô tô biển số 67A-013.29 đến xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang và gửi tại tiệm cầm đồ ÁT, rồi mang 20.000.000 đồng sang Casino Hawai, Vương quốc Campuchia đánh bạc. Khi thua hết 20.000.000 đồng, T nảy sinh ý định cầm xe để lấy tiền tiếp tục đánh bạc. T đã cầm xe ô tô biển số biển số 67A-013.29 cho người tên R (người Campuchia, chủ quản lý Casino) với giá 100.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục đánh bạc thu hết tiền và nợ Casino 10.000 USD nên bị giữ lại tại Casino.

Ngày 06/3/2016, ông Ú không thấy T trả xe nên báo cho ông NLQ1 biết, và kiểm tra hệ thống định vị thấy xe đang đậu tại tiệm cầm đồ AT. Ông Ú, ông NLQ1 và bà NLQ2 (vợ ông NLQ1) cùng đến tiệm cầm đồ AT, thì được biết T đã cầm xe với giá 100.000.000 đồng, lãi mỗi ngày 10.000.000 đồng. Ông Ú đã chuộc lại xe với giá 130.000.000 đồng và làm đơn tố giác gửi Công an thành phố LX. Riêng T bị giữ lại Casino đến tháng 8/2016 được về Việt Nam.

Ngày 26/10/2016, T gặp bà Hoàng Nguyễn Hải Y để thuê xe ô tô chở gia đình đi Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh. Do không có xe, nên Y đã thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 67A-008.43 của NLQ3, với giá 550.000 đồng/ngày, để cho T thuê lại với giá 600.000 đồng/ngày, thời gian thuê xe 01 ngày, hai bên không lập hợp đồng thuê xe. Sau khi chở vợ, con đi khám bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh về, T điện thoại cho Y để thuê xe thêm 01 ngày. Sau đó, T điều khiển xe đến cửa khẩu XX, thị trấn HT, tỉnh Kiên Giang và sang Casino Sunday, Vương quốc Campuchia đánh bạc. Khi đánh bạc thua hết 5.000.000 đồng mang theo, T cầm xe ô tô cho N (người Campuchia) với giá 3.000 USD để đánh bạc tiếp và thua hết. Đến ngày 29/10/2016, không thấy Tuấn trả xe nên Ng1, Y đi tìm thì biết T đã cầm xe nên làm đơn tố giác đến Công an thành phố LX. Ngày 31/10/2016, bà Ng1 và bà Y đến Casino Sunday, bà Ng1 chuộc lại xe với số tiền 3.000 USD, chuộc T 200 USD, rồi buộc T điều khiển xe chở bà Ng1, bà Y về đến phường BÐ, thành phố LX thì bị bắt giữ. Ngày

03/11/2016, T bị khởi tố điều tra.

Căn cứ Kết luận về việc giám định, định giá tài sản tang vật số 50/KL.HĐ ngày 03/6/2016 và Kết luận về việc giám định, định giá tài sản tang vật số 90/KL.HĐ ngày 31/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố LX, tỉnh An Giang, kết luận:

- Xe ô tô biển số 67A-008.43, loại xe Innova, đời 2007, màu ghi bạc, số khung RL4XW43G879210981, số máy 1TR6344510. Tổng trị giá là 471.300.000 (bốn trăm bảy mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Xe ô tô biển số 67A-013.29, loại xe Innova G, đời 2006, màu ghi bạc, số khung 43G569207146, số máy 1TR6316802. Tổng trị giá là 411.900.000 (bốn trăm mười một triệu chín trăm nghìn) đồng.

Theo Công văn số 780/STC-GCS ngày 18/4/2016 của Sở Tài chính tỉnh An Giang, xác định: 01 USD tại thời điểm ngày 30/10/2016 bằng 22.365 đồng (3.000 USD bằng 67.095.000 đồng).

Vật chứng trong vụ án gồm:

- Xe ô tô biển số 67A-008.43 và xe ô tô biển số 67A-013.29; chủ sở hữu đã tự chuộc lại quản lý.

- 01 (một) thẻ ATM Sacombank (thẻ thanh toán Plus), số 9704 0311 7903 7911, tháng 02/2015 và 01 (một) thẻ BIDV, số 9704 1800 6467 1803, tháng 08/2016 tên Nguyễn Hoàng T, không còn tiền.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các Kết luận định giá tài sản.

Người bị hại: Ông Nguyễn Hữu Ú và bà Hoàng Nguyễn Hải Y trình bày sự việc diễn ra đúng với nội dung vụ án nêu trên. Nay ông Ú yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền thiệt hại là 130.000.000 đồng; bà Y yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.000 USD; Ông Ú và bà Y cùng yêu cầu xử lý bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 trình bày sự việc diễn ra đúng với nội dung vụ án nêu trên. Ông NLQ1, bà NLQ2 đã nhận lại xe ô tô nên không yêu cầu bồi thường. Bà Ng1 đã nhận lại xe ô tô và yêu cầu bà Hoàng Nguyễn Hải Y bồi thường cho bà số tiền chuộc xe là 3.000 USD, tương đương 67.095.000 đồng, bà Ng1 không yêu cầu bị cáo T bồi thường 200 USD.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/10/2016.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 482, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hữu Ư số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng; bồi thường cho bà Hoàng Nguyễn Hải Y số tiền 67.095.000 (sáu mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Buộc bà Hoàng Nguyễn Hải Y có trách nhiệm hoàn trả cho bà NLQ3 số tiền 67.095.000 (sáu mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục tạm quản lý số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng theo biên lai thu tiền số: 0000758, ngày 17/7/2017 của Cục Thi hành án tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng T: 01 (một) thẻ ATM Sacombank (thẻ thanh toán Plus), số 9704 0311 7903 7911, tháng 02/2015 và 01 (một) thẻ BIDV, số 9704 1800 6467 1803, tháng 08/2016 tên Nguyễn Hoàng T, không còn tiền trong tài khoản (theo Phiếu nhập kho vật chứng số 340/PNK ngày 14/4/2017 của Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh An Giang).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Luật phí và lệ phí năm 2015; và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 03/8/2017, bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Xét thấy, trong một thời gian rất ngắn, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt của những người bị hại số tiền hơn 800.000.000 đồng, để thỏa mãn thói cờ bạc. Điều này thể hiện bị cáo phạm tội có hệ thống. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Bởi bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có cơ sở để xác định:

Vào ngày 03/3 và ngày 26/10/2016, Nguyễn Hoàng T đã thuê xe ô tô biển số 67A-013.29 của ông Nguyễn Hữu Ú và xe ô tô biển số 67A-008.43 của bà Hoàng Nguyễn Hải Y, để chở khách và người thân đi Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh. Sau khi nhận được tài sản và sau khi thực hiện xong mục đích thuê xe, bị cáo đã đem hai xe ô tô nêu trên cầm cho người khác để lấy tiền sang Campuchia đánh bạc. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 883.200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo nhận thức được rằng hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ham mê cờ bạc nên đã lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại, giao tài sản một cách ngay tình, để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến hoạt

động kinh doanh bình thường của những người bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi chiếm đoạt xe ô tô của ông Ú, đã bị phát hiện, nhưng bị cáo không thể hiện sự ăn năn, hối cải, mà lại tiếp tục dùng hành vi và thủ đoạn nêu trên để chiếm đoạt chiếc xe ô tô của bà Y.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 500.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 và tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tất cả các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo nhận thức pháp luật còn hạn chế; về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Đồng thời, bản án sơ thẩm cũng đã áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 2 Điều 7, khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự theo nguyên tắc có lợi đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 14 năm tù là thỏa đáng, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Các tình tiết mà Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, về việc xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ để xem xét. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/10/2016.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- TTG CA tỉnh An Giang
(Tổng đạt cho bị cáo (2));
- NBH, NLQ(5);
- Lưu(3), 17b (HQ).

Võ Văn Khoa